

Số: 55 /2016/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 12 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 37/2015/QĐ-TTg ngày 08/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 03/2015/TT-BKHCN ngày 09/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Điều lệ mẫu tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 92/TTr-SKHCN ngày 25/12/2015, Báo cáo thẩm định số 80 /STP-BCTĐ ngày 23/12/2015 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng.


Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hải Phòng;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử TP, Công báo TP;
- Báo Hải Phòng, Đài PT&TH Hải Phòng;
- CPVP;
- Các CV UBND TP;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Thành

ĐIỀU LỆ

**Tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển
khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 55 /2016/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Địa vị pháp lý

1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Quỹ) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận; có chức năng tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách và các nguồn vốn khác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, con dấu riêng, được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Vốn điều lệ của Quỹ: 5.000.000.000 VNĐ (Năm tỷ đồng chẵn).

3. Tên gọi của Quỹ:

- Tên đầy đủ: Quỹ phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng.
- Tên giao dịch Quốc tế: Hai Phong Science and Technology Development Fund.
- Tên viết tắt: HPFUSTED.

4. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Điều 2. Tính chất và mục đích hoạt động

1. Quỹ hoạt động nhằm mục đích cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ thành phố.

2. Hoạt động của Quỹ nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Điều 3. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn do ngân sách nhà nước cấp:

a) Vốn điều lệ của Quỹ được cấp một lần từ ngân sách nhà nước dành cho sự nghiệp khoa học và công nghệ của thành phố, nhằm thực hiện các hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ;

b) Ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm cấp thông qua Quỹ cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia do thành phố được phân cấp ủy quyền quản lý và chi hoạt động quản lý của Quỹ;

c) Các nguồn ngân sách khác.

2. Các nguồn vốn khác:

a) Các khoản thu từ kết quả hoạt động của Quỹ, khoản phân chia lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và các khoản thu hợp pháp khác (nếu có);

b) Nhận uỷ thác của các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các Bộ và các địa phương;

c) Kinh phí được điều chuyển từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc thành phố trực tiếp quản lý;

d) Kinh phí được điều chuyển tự nguyện hoặc nhận uỷ thác từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp ngoài Nhà nước;

đ) Các khoản đóng góp tự nguyện, tài trợ, hỗ trợ, hiến tặng và nhận uỷ thác của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và ngoài nước và các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Quỹ

1. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành Quỹ.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân đề xuất tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay và hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ đề xuất hỗ trợ được xét chọn công khai, dân chủ, bình đẳng.

3. Quỹ hoạt động theo cơ chế tài chính áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu do ngân sách nhà nước đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên, hạch toán độc lập, không vì mục đích lợi nhuận; theo Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Quỹ thực hiện mọi khoản thu, chi công khai, minh bạch, đúng mục đích cho hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đối tượng được Quỹ cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay

1. Đối tượng cấp kinh phí:

a) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia được phân cấp ủy quyền cho thành phố trực tiếp quản lý;

b) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố.

2. Đối tượng tài trợ: Một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có tính đột xuất, cấp bách, quan trọng, cần thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

3. Đối tượng cho vay và bảo lãnh vốn vay: Các dự án sản xuất thử nghiệm của doanh nghiệp có nhu cầu về vốn nhằm áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm, các công nghệ mới để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý hoặc sản xuất ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện, thích nghi công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất đại trà.

4. Đối tượng hỗ trợ: Các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong phạm vi của thành phố, nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Điều 6. Điều kiện đăng ký tài trợ, vay vốn, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay

1. Tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải có đủ năng lực chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất – kỹ thuật phù hợp với từng loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức và cá nhân đề xuất vay vốn của Quỹ hoặc được Quỹ bảo lãnh vốn vay phải tuân theo các quy định của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức và cá nhân đăng ký hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ phải có chuyên môn phù hợp với nội dung đề nghị hỗ trợ.

4. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký tài trợ, vay vốn không được trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã hoặc đang được thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

1. Tiếp nhận và nhận ủy thác các nguồn vốn của Nhà nước, tổ chức, cá nhân; huy động các khoản đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; quản lý và sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn của Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ, bảo lãnh vốn vay thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch hoạt động trung hạn và dài hạn của Quỹ.

4. Công bố các định hướng ưu tiên, nội dung, yêu cầu, thể thức cụ thể để đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực thích hợp đề nghị Quỹ tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay.

5. Tổ chức việc xét chọn và thẩm định kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực để Quỹ tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay.

6. Kiểm tra, đánh giá về nội dung chuyên môn và tình hình thực hiện tài chính của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực do Quỹ tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay. Kiểm tra tài chính các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Quỹ cấp kinh phí.

7. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ. Đánh giá kết quả các nhiệm vụ, hoạt động nâng cao năng lực mà Quỹ cho vay, bảo lãnh và hỗ trợ.

8. Đình chỉ hoặc trình các cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay hoặc thu hồi kinh phí đã cấp, kinh phí tài trợ, cho vay và hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các hoạt động nâng cao năng lực vi phạm các quy định về sử dụng vốn của Quỹ và các quy định pháp luật có liên quan.

9. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước giao và các nguồn lực khác theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

10. Quản lý tổ chức và lao động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

11. Ban hành Quy chế hoạt động và các quy định khác phục vụ cho hoạt động của Quỹ.

12. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với các cơ quan quản lý theo quy định.

13. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định pháp luật.

14. Chấp hành các quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, các quy định khác của pháp luật có liên quan.

15. Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước để vận động tài trợ cho Quỹ hoặc ủy thác cho Quỹ tài trợ, cho vay để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Hội đồng Quản lý Quỹ có 05 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm, thù lao và các quyền khác theo quy định của Nhà nước. Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Giám đốc Sở Tài chính, các thành viên gồm đại diện lãnh đạo Sở Kế hoạch và

Đầu tư, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hải Phòng.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là 05 năm và các thành viên tham gia Hội đồng quản lý Quỹ không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản lý Quỹ mới chưa được bổ nhiệm thì Hội đồng quản lý Quỹ của nhiệm kỳ hiện tại tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Hội đồng quản lý Quỹ mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

4. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Bị Toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;
- b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Không trung thực khi thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc người khác;
- d) Vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ được thay thế trong những trường hợp sau:

- a) Xin từ chức;
- b) Không đảm bảo sức khoẻ đảm nhận công việc;
- c) Bị miễn nhiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều này;
- d) Chuyển công tác hoặc bố trí công việc khác.

6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Quyết định phương hướng và kế hoạch hoạt động của Quỹ trên cơ sở các định hướng ưu tiên phát triển khoa học và công nghệ của thành phố;

b) Phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ;

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng của Quỹ;

d) Ban hành các văn bản quy định về hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Hội đồng khoa học và công nghệ; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

đ) Giám sát, kiểm tra hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ trong việc thực hiện quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ;

e) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ, các báo cáo kết quả kiểm soát và báo cáo thẩm định quyết toán tài chính của Ban Kiểm soát Quỹ;

g) Thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ để tư vấn chuyên môn cho Quỹ;

h) Quyết định tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay theo các quy định tại Điều lệ này;

i) Kiến nghị Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

k) Hội đồng quản lý Quỹ sử dụng bộ máy và con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

l) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

7. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể; ba tháng họp một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ; họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc Giám đốc Quỹ, hoặc Trưởng Ban kiểm soát Quỹ, hoặc khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị;

b) Đối với các vấn đề cần quyết định giữa các phiên họp, Cơ quan điều hành Quỹ gửi tài liệu và Phiếu lấy ý kiến đến từng thành viên Hội đồng;

c) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được coi là hợp lệ khi ít nhất có 2/3 số thành viên có mặt và phải do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ được uỷ quyền chủ trì. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo đa số trên tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Nội dung và các kết luận của cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi thành biên bản và gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

8. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 9. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Tổ chức của Ban Kiểm soát Quỹ:

a) Ban Kiểm soát Quỹ có 03 thành viên, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Thành viên của Ban Kiểm soát Quỹ gồm Trưởng ban là Chánh Thanh tra của Sở Khoa học và Công nghệ, Phó Trưởng ban là lãnh đạo Thanh tra của Sở Tài chính và 01 thành viên là Kế toán trưởng của Sở Khoa học và Công nghệ. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát Quỹ là 05 năm.

b) Thành viên của Ban Kiểm soát không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng của Quỹ; không có tiền án, tiền sự về các tội danh liên quan đến hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ:

a) Giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ;

b) Kiểm tra và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ việc cơ quan điều hành Quỹ chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ. Định kỳ hàng tháng, quý, năm và theo vụ việc, Ban Kiểm soát Quỹ có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ bằng văn bản kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ;

d) Tiến hành công việc một cách độc lập theo chương trình đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua; có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao; được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Quỹ;

đ) Xem xét, trình Hội đồng quản lý Quỹ giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Quỹ;

e) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản lý Quỹ giao.

3. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ hoặc thành viên của Ban Kiểm soát Quỹ được Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ ủy quyền có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ, phát biểu ý kiến về các nội dung mà Hội đồng quản lý Quỹ thảo luận, nhưng không được quyền biểu quyết.

4. Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành. Các thành viên Ban Kiểm soát Quỹ thực hiện nhiệm vụ được giao một cách độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân trước Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về nhiệm vụ được giao; được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm, thù lao và các quyền khác theo quy định của Nhà nước.

5. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 10. Cơ quan điều hành Quỹ

1. Cơ quan điều hành Quỹ bao gồm: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Văn phòng Quỹ. Trong đó:

- Giám đốc Quỹ là Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ kiêm nhiệm;

- Phó Giám đốc Quỹ là lãnh đạo Phòng Văn xã, Sở Tài chính kiêm nhiệm;

- Kế toán trưởng của Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách;

- Văn phòng Quỹ gồm 02 biên chế viên chức làm việc theo chế độ chuyên trách.

Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật trong các hoạt động của Quỹ; đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp liên quan đến hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn được quy định;

Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ theo nhiệm kỳ 05 năm.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ:

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ và thành phố giao cho Quỹ;

b) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ; thực hiện các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ, nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ và theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì xây dựng quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ và các văn bản khác theo quy định, trình Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Chuẩn bị nội dung, tài liệu và tổ chức các hội nghị của Hội đồng quản lý Quỹ và Hội đồng khoa học và công nghệ; được tham gia các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ, được tham gia ý kiến về các nội dung mà Hội đồng quản lý Quỹ thảo luận nhưng không được biểu quyết;

đ) Trình quyết định tài trợ, cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay theo các quy định tại Điều lệ này để Hội đồng quản lý Quỹ quyết định;

e) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền của Giám đốc Quỹ;

g) Quản lý nhân sự, tài sản và vốn của Quỹ;

h) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình theo quy định của pháp luật;

i) Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ;

k) Trình Hội đồng quản lý Quỹ: Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ; đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

l) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Điều lệ này.

4. Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng của Quỹ:

a) Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng của Quỹ do Giám đốc Quỹ đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, theo nhiệm kỳ 5 năm;

b) Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng của Quỹ giúp Giám đốc Quỹ điều hành một số lĩnh vực, nhiệm vụ theo phân công của Giám đốc Quỹ và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

5. Kinh phí hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 11. Hội đồng khoa học và công nghệ

1. Hội đồng khoa học và công nghệ có 05 đến 07 thành viên do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ để tư vấn đánh giá xét chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho vay, hỗ trợ và bảo lãnh vốn vay; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với hoạt động tài trợ; xác định hướng nghiên cứu và các vấn đề liên quan khác.

Thành viên của Hội đồng khoa học và công nghệ là những nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín, có phẩm chất tốt, có năng lực chuyên môn cao về khoa học và công nghệ, tài chính và có kinh nghiệm phù hợp.

2. Hội đồng khoa học và công nghệ hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật theo quy định về hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

3. Kinh phí hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ được tính vào chi phí hoạt động quản lý của Quỹ.

Điều 12. Hoạt động cấp kinh phí của Quỹ

1. Quỹ thực hiện cấp kinh phí:

a) Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia được phân cấp ủy quyền thành phố quản lý;

b) Việc cấp kinh phí căn cứ vào hợp đồng ký kết giữa Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ với tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ. Kinh phí được cấp phù hợp với tiến độ của hợp đồng;

c) Quỹ thực hiện tổng hợp số liệu quyết toán kinh phí cấp và báo cáo theo quy định hiện hành.

2. Quỹ không thực hiện việc xét chọn, tuyển chọn, phê duyệt, đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà Quỹ thực hiện cấp kinh phí.

Điều 13. Hoạt động tài trợ của Quỹ

Quỹ tài trợ toàn bộ hoặc một phần cho tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có tính đột xuất, cấp bách, quan trọng, cần thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố như sau:

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ nhằm xây dựng cơ sở lý luận, tổng kết thực tiễn, đề xuất các mô hình, giải pháp cấp bách, quan trọng, cần thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Các dự án ứng dụng khoa học và công nghệ có tính đột xuất, quan trọng, cần thiết nhằm ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, các thành tựu, các tiến bộ khoa học và công nghệ, các sáng chế, giải pháp hữu ích,... trong và ngoài nước để xây dựng các mô hình ứng dụng, điểm trình diễn, điểm thử nghiệm trước khi nhân rộng.

3. Các đề án khoa học có tính đột xuất, cấp bách, quan trọng, cần thiết nhằm nghiên cứu xây dựng các cơ sở lý luận, thực tiễn, đề xuất các cơ chế, chính sách, pháp luật, định hướng phát triển.

Điều 14. Hoạt động cho vay và bảo lãnh vay vốn của Quỹ

Quỹ cho vay và bảo lãnh vốn vay đối với các dự án sản xuất thử nghiệm của doanh nghiệp có nhu cầu về vốn nhằm áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm, các công nghệ mới để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý hoặc sản xuất ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện, thích nghi công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất đại trà. Cụ thể:

1. Quỹ cho vay vốn không lấy lãi hoặc với lãi suất thấp như sau:

a) Dự án được vay vốn không lấy lãi bao gồm các dự án sản xuất thử nghiệm áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước; ứng dụng công nghệ cao hoặc sản xuất sản phẩm công nghệ cao; tạo việc làm và thu nhập tại các vùng nông thôn, miền núi, các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội;

b) Dự án được vay vốn với lãi suất thấp bao gồm các dự án đổi mới công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và sức cạnh tranh cao;

c) Quỹ cho vay theo nguyên tắc có hoàn trả. Các đối tượng vay vốn phải bảo đảm các yêu cầu:

- Đúng đối tượng, tuân theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định của Quỹ;

- Hồ sơ xin vay vốn được đánh giá, xét duyệt công khai, minh bạch;

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã ghi trong hợp đồng tín dụng;

- Có khả năng tài chính để hoàn trả đầy đủ và đúng hạn vốn vay.

d) Mức vốn vay và thẩm quyền quyết định mức vốn vay trong phạm vi khả năng nguồn vốn cho phép của Quỹ, phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn, kế hoạch thu - chi tài chính hàng năm đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

đ) Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của dự án vay vốn và khả năng trả nợ của người vay, nhưng không quá 60 tháng. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

e) Lãi suất vay:

- Cho vay không lấy lãi đối với các dự án quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

- Cho vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước được Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong từng thời kỳ đối với các dự án quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

- Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cho vay không lấy lãi hoặc cho vay với lãi suất thấp đối với từng dự án cụ thể trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ;

- Mức lãi suất cho vay là lãi suất cố định trong suốt thời gian vay vốn thực hiện dự án.

g) Bảo đảm tiền vay:

- Quỹ cho vay trên cơ sở có tài sản bảo đảm bằng các hình thức cầm cố tài sản, thế chấp tài sản và các biện pháp đảm bảo khác nếu có theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định pháp luật có liên quan;

- Trong trường hợp việc cho vay không có tài sản bảo đảm đối với các dự án có tính chất đầu tư sẽ do Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

h) Hàng năm, Quỹ được trích lập dự phòng rủi ro để xử lý bù đắp tổn thất rủi ro trong hoạt động cho vay. Mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro, xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro thực hiện theo các quy định của pháp luật.

2. Quỹ thực hiện bảo lãnh vốn vay như sau:

a) Điều kiện để chủ dự án được bảo lãnh vốn vay:

- Dự án đã được tổ chức tín dụng khác thẩm định cho vay và có văn bản yêu cầu bảo lãnh gửi Quỹ;

- Phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay được Quỹ chấp thuận;

- Có tài sản đảm bảo bằng hình thức cầm cố, thế chấp được Quỹ chấp nhận.

b) Mức bảo lãnh và thẩm quyền quyết định mức bảo lãnh không vượt quá mức vốn vay.

c) Thời hạn bảo lãnh vốn vay được xác định phù hợp với thời hạn vay vốn đã thoả thuận giữa chủ dự án với tổ chức tín dụng cho vay thực hiện dự án, nhưng không quá khung thời gian cho vay được quy định của Quỹ.

d) Chủ dự án được bảo lãnh vốn vay phải trả cho Quỹ một khoản phí bảo lãnh bằng phần trăm (%) trên tổng số tiền đang bảo lãnh. Mức cụ thể theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính.

3. Hoạt động cho vay, bảo lãnh vốn vay quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được Quỹ thực hiện thông qua hình thức uỷ thác cho các tổ chức tín dụng. Quỹ tổ chức đánh giá, xét chọn nhiệm vụ cho vay, bảo lãnh vốn vay theo

các tiêu chí khoa học và công nghệ. Tổng số vốn cho vay, bảo lãnh vốn vay hàng năm không quá 20% vốn điều lệ của Quỹ. Tổng số dư nợ cho vay và bảo lãnh vốn vay không quá 50% vốn điều lệ của Quỹ.

Điều 15. Hoạt động hỗ trợ của Quỹ

1. Quỹ hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong phạm vi của thành phố sau đây: Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế tại thành phố; tham dự và trình bày báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tổ chức ở nước ngoài; thực tập, hợp tác nghiên cứu ngắn hạn (dưới 6 tháng) của nhà khoa học, nghiên cứu sinh đang thực hiện đề tài do Quỹ tài trợ tại các tổ chức khoa học, phòng thí nghiệm ở nước ngoài mà trong nước chưa có đủ điều kiện thực hiện; công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; đăng ký quyền sở hữu trí tuệ; xuất bản công trình khoa học có giá trị cao về khoa học và thực tiễn, là kết quả của đề tài/dự án do Quỹ hoặc nguồn ngân sách khác của Nhà nước tài trợ; hỗ trợ kinh phí sử dụng phòng thí nghiệm của nhà khoa học đầu ngành; hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Tổng kinh phí hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ hàng năm không quá 10% vốn điều lệ của Quỹ.

Điều 16. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ

1. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về ngân sách và kế toán.

2. Hàng năm, Quỹ lập dự toán nguồn thu và dự kiến chi đối với hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ và hoạt động quản lý Quỹ báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

3. Hàng năm, Quỹ lập báo cáo quyết toán tài chính, báo cáo Sở Khoa học Công nghệ và thành phố xem xét, kiểm tra theo quy định.

4. Quỹ được phép chuyển vốn dư trong năm tài chính sang năm kế tiếp.

5. Chi hoạt động quản lý Quỹ được sử dụng cho hoạt động của bộ máy quản lý và điều hành Quỹ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát về tài chính theo qui định hiện hành.

Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng mục đích.

2. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng, các chế độ do Quỹ quy định và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải được công bố theo quy định của Quỹ và đăng ký, lưu giữ theo quy định hiện hành.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18.

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, chưa phù hợp, Hội đồng quản lý Quỹ thống nhất với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

The image shows a circular official seal of the City People's Committee (Ủy ban Nhân dân Thành phố) with a handwritten signature in black ink over it. The signature is written in a cursive style. Below the seal, the name 'Lê Văn Thành' is printed.

Lê Văn Thành